UBND TỈNH HƯNG YÊN
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 02 /KH-SGDĐT

Hưng Yên, ngày 08 tháng 01 năm 2026

KẾ HOẠCH
Thực hiện chuyển đổi số ngành Giáo dục và Đào tạo năm 2026

Căn cứ Kế hoạch số 155/KH-UBND ngày 30/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về thực hiện chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên năm 2026;

- Căn cứ Kế hoạch số 719/KH-SGDĐT (ban hành ngày 28/08/2025): Kế hoạch Thực hiện nhiệm vụ Chuyển đổi số ngành Giáo dục và Đào tạo năm 2025 theo Quyết định số 628/QĐ-UBND của UBND tỉnh

- Căn cứ Kế hoạch số 1005/KH-SGDĐT (ban hành ngày 17/09/2025): Kế hoạch Thực hiện Chương trình phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số ngành Giáo dục và Đào tạo Hưng Yên giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Căn cứ Kế hoạch số 1324/KH-SGDĐT (ban hành ngày 07/10/2025): Kế hoạch triển khai các nội dung sau ký kết Thỏa thuận hợp tác toàn diện giữa Sở Giáo dục và Đào tạo Hưng Yên và Viettel Hưng Yên giai đoạn 2025-2030.

- Căn cứ Công văn số 1180/SGDĐT-VP (ban hành ngày 29/09/2025): Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2025 – 2026

Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) xây dựng Kế hoạch thực hiện chuyển đổi số năm 2026 của ngành như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Đẩy mạnh đổi mới phương thức quản lý, điều hành dựa trên dữ liệu số và công nghệ số. Tập trung triển khai các nền tảng số phục vụ dạy và học, kiểm tra đánh giá và tuyển sinh trực tuyến, đảm bảo đồng bộ với hệ sinh thái chuyển đổi số của tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Thể chế, chính sách số

- Phối hợp hoàn thiện các chính sách phục vụ chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan nhà nước, tạo nền tảng vững chắc để xây dựng Chính quyền số và thúc đẩy tiến trình Chuyển đổi số toàn diện tại tỉnh Hưng Yên.

- Rà soát, tham mưu bổ sung và ban hành kịp thời các quy định pháp luật và cơ chế hỗ trợ đặc thù nhằm tháo gỡ các "điểm nghẽn" pháp lý, tạo môi trường thuận lợi cho việc ứng dụng công nghệ mới trong giáo dục.

b) Phát triển hạ tầng số

- Nâng cấp hạ tầng mạng: Đảm bảo 100% cơ sở giáo dục có đường truyền Internet cáp quang băng rộng và hệ thống Wifi phủ sóng ổn định phục vụ dạy và học.

- Duy trì mạng chuyên dùng: Bảo đảm Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước hoạt động thông suốt, ổn định đến 100% cơ quan nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã.

- Tham mưu đu tư thiết bị hiện đại: Ưu tiên nguồn lực trang bị máy tính, phòng học thông minh tại các vùng khó khăn.

- Hạ tầng cho mô hình mới: Đầu tư trang thiết bị đầu cuối chuyên dụng (đầu đọc thẻ căn cước, camera AI) để chính thức triển khai các mô hình thi trực tuyến và điểm danh thông minh

c) Phát triển chính quyền số

- 100% văn bản điện tử được ký số đầy đủ theo quy định của nhà nước (trừ văn bản mật thuộc phạm vi bí mật nhà nước) khi gửi, nhận trên môi trường mạng.

- 100% văn bản, hồ sơ công việc được xử lý toàn trình trên môi trường điện tử của các cơ quan hành chính nhà nước

- 100% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh; 70% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

- 100% công tác báo cáo, các chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo tỉnh (không bao gồm nội dung mật) được tạo lập, cập nhật, lưu giữ, trên hệ thống thông tin báo cáo cấp tỉnh.

- Tiếp tục thực hiện số hóa hồ sơ, tài liệu, thực hiện toàn bộ các hoạt động xử lý hồ sơ, công việc, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công, các ứng dụng tiện ích chất lượng cao phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của các cơ quan trong hệ thống chính trị tại địa bàn tỉnh phục vụ cán bộ, công chức, người dân, doanh nghiệp trên môi trường số.

- 70% cuộc giám sát, kiểm tra được thực hiện qua môi trường mạng (bằng hình thức báo cáo và trực tiếp trên các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh).

- Thực hiện xác thực điện tử bằng chữ ký số để đảm bảo an toàn thông tin, dữ liệu trong các giao dịch của hoạt động công vụ trên môi trường số, qua đó nâng cao độ tin cậy của dữ liệu và tăng tính công khai, minh bạch

d) Cung cấp thông tin, dịch vụ công phục vụ người dân và doanh nghiệp

- 90% thủ tục hành chính được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện.

- Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được giải quyết bằng hình thức trực tuyến toàn trình đạt từ 80% trở lên (đối với các thủ tục hành chính cung cấp trực tuyến

toàn trình); trên 90% người dân, doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính.

- Tỷ lệ người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất giữa các nền tảng, hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thông qua định danh điện tử VNeID đạt 100%.

- Tỉ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đạt 100%

- Tỉ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử đạt 100%

- Tỉ lệ thanh toán trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công đạt 100%

- Tuyển sinh trực tuyến: Triển khai hệ thống tuyển sinh đầu cấp trực tuyến 100% cho các cấp Mầm non, Lớp 1, Lớp 6 và Lớp 10, giúp tái sử dụng dữ liệu dân cư và giảm phiền hà cho phụ huynh.

- Công khai thông tin: Đảm bảo 100% cổng/trang thông tin điện tử của ngành cung cấp đầy đủ thông tin và dịch vụ theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.

đ) Phát triển nền tảng số

- Thống nhất hệ sinh thái dữ liệu: Tập trung xây dựng Hệ thống cơ sở dữ liệu địa phương ngành giáo dục thống nhất, liên thông hoàn toàn với CSDL quốc gia về dân cư và Trục liên thông dữ liệu tỉnh (LGSP),

- Triển khai các hệ thống cốt lõi: Vận hành đồng bộ các nền tảng: Hệ thống trường học số, hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS), kho học liệu số dùng chung và hệ thống kiểm định chất lượng giáo dục.

- Ứng dụng AI tiên tiến: Phát triển các ứng dụng trí tuệ nhân tạo dựa trên dữ liệu lớn để cá nhân hóa lộ trình học tập của học sinh và hỗ trợ giáo viên trong kiểm tra, đánh giá.

e) Phát triển kinh tế số, xã hội số

- Thanh toán số: Duy trì 100% các cơ sở giáo dục công lập triển khai thanh toán học phí và lệ phí trực tuyến.

- Phổ cập kỹ năng số: Tiếp tục nhân rộng mô hình "Học sinh là tuyên truyền viên chuyển đổi số", phổ cập kỹ năng an toàn thông tin và sử dụng dịch vụ công trên nền tảng "Bình dân học vụ số".

- Phát triển nhân lực số: Triển khai lộ trình đào tạo 120 tiến sĩ và 807 thạc sĩ chuyên môn công nghệ, kỹ thuật trình độ cao làm lực lượng nòng cốt dẫn dắt đổi mới sáng tạo trong ngành.

- Công dân học tập số: Phối hợp công tác tuyên truyền, đảm bảo 60% dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân để tham gia vào các hoạt động xã hội số và giáo dục mở.

II. NHIỆM VỤ

1. Nâng cao nhận thức số

- Đa dạng hóa hình thức truyền thông: Tiếp tục duy trì việc tuyên truyền về vị trí, vai trò của CĐS thông qua các chuyên trang, chuyên mục trên báo chí, truyền hình và mạng xã hội.

- Nhân rộng các mô hình điển hình: Tổng hợp và phổ biến các cách làm hay, sáng kiến hiệu quả về chuyển đổi số trong dạy và học từ các nhà trường.

- Xây dựng văn hóa số: Phát động các phong trào thi đua "Mỗi thầy cô giáo, mỗi học sinh là một đại sứ công dân số" và tổ chức hiệu quả các hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia (10/10).

2. Xây dựng thể chế số

- Hoàn thiện chính sách pháp lý: Rà soát, ban hành các văn bản quy định cụ thể về quản lý, khai thác dữ liệu số và học liệu số trong trường học.

- Công nhận giá trị pháp lý của hồ sơ số: Tham mưu ban hành các quy định về giá trị pháp lý của văn bằng số và học bạ số, đảm bảo có thể sử dụng thay thế hoàn toàn văn bằng giấy trong các thủ tục hành chính và tuyển sinh.

- Quy chế quản lý công nghệ mới: Ban hành các hướng dẫn, quy chế về việc sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) có đạo đức, trách nhiệm và bảo vệ quyền riêng tư cá nhân trong hoạt động giáo dục.

3. Hạ tầng kỹ thuật

- Phát triển mạng lưới Internet: Bảo đảm 100% cơ sở giáo dục có kết nối Internet cáp quang băng rộng, nâng cấp đường truyền để đáp ứng nhu cầu triển khai các dịch vụ IoT, Big Data và AI.

- Đầu tư thiết bị dạy học hiện đại: ưu tiên nguồn lực trang bị thêm máy tính cấu hình cao, phòng học thông minh tại các vùng khó khăn.

- Nâng cấp hạ tầng máy chủ: Tham mưu cấp kinh phí để thuê hạ tầng máy chủ hoặc dịch vụ đám mây (Cloud) đạt chuẩn nhằm vận hành hệ thống CSDL ngành thống nhất toàn tỉnh.

4. Dữ liệu số

- Dữ liệu "Đúng, Đủ, Sạch, Sống": Duy trì và làm sạch dữ liệu giáo viên, học sinh đạt tỷ lệ xác thực trên 98% với CSDL quốc gia về dân cư.

- Số hóa toàn diện văn bằng: Hoàn thành số hóa 100% bằng tốt nghiệp THCS và THPT giai đoạn 2021-2024 để tích hợp lên ứng dụng VNeID.

- Triển khai Học bạ số toàn diện: Thực hiện chính thức học bạ số cho tất cả các cấp học từ Tiểu học đến THPT và GDTX trên phạm vi toàn tỉnh.

5. Nền tảng số

- Thống nhất hệ sinh thái dữ liệu địa phương: Xây dựng Hệ thống CSDL và trục tích hợp chia sẻ dữ liệu địa phương ngành giáo dục để kết nối liên thông tất cả các phần mềm quản lý nhà trường (vnEdu, SMAS...).

- Triển khai các hệ thống quản trị chuyên sâu: Vận hành đồng bộ các nền tảng: Trường học số, Hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS), Thư viện số và Hệ thống kiểm định chất lượng giáo dục.

- Ứng dụng Chatbot và Trợ lý ảo: Triển khai hệ thống họp và điều hành tác nghiệp ngành có tích hợp Chatbot AI hỗ trợ tra cứu nghiệp vụ và chỉ đạo điều hành.

6. Nhân lực số

- Đào tạo nhân lực trình độ cao: Triển khai kế hoạch đào tạo 120 tiến sĩ và 807 thạc sĩ cho ngành GDĐT giai đoạn 2026-2030 để làm nòng cốt dẫn dắt đổi mới sáng tạo.

- Tăng cường tuyên truyền nâng cao nhận thức, thay đổi thói quen sử dụng các hình thức truyền thống sang hình thức sử dụng các nền tảng số, kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin trong các giao dịch điện tử của người dân, doanh nghiệp.

- Phổ cập kỹ năng AI: Tổ chức tập huấn chuyên sâu về AI tạo sinh và kỹ năng sử dụng các công cụ dạy học hiện đại cho 100% cán bộ quản lý và giáo viên.

- Phát triển đội ngũ chuyên trách: Rà soát và bố trí cán bộ có chuyên môn CNTT đảm nhiệm công tác chuyển đổi số tại các đơn vị, hướng tới tỷ lệ đạt 25% trong đội ngũ lãnh đạo.

7. An toàn thông tin mạng

- Đảm bảo 100% hệ thống thông tin của ngành được phê duyệt hồ sơ cấp độ và triển khai phương án bảo vệ tương ứng.

- Trang bị, sử dụng các trang thiết bị bảo mật, tường lửa và cài đặt phần mềm phòng chống mã độc bản quyền cho toàn bộ máy trạm trong ngành.

- Xây dựng và triển khai kế hoạch tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức, kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin cho các cán bộ, công chức, viên chức, học sinh,…

- Duy trì hoạt động thường xuyên của Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin và tổ chức diễn tập phương án khôi phục dữ liệu định kỳ.

8. Phát triển Chính quyền số

- Sử dụng hiệu quả, thống nhất, đồng bộ các hệ thống thông tin dùng chung: thống quản lý văn bản và điều hành, Hệ thống thư điện tử công vụ, Cổng thông tin điện tử tỉnh, Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính, Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh,… bảo đảm an toàn thông tin khi trao đổi văn bản trên môi trường mạng

- Triển khai quyết liệt các giải pháp để nâng cao hiệu quả sử dụng dịch vụ công trực tuyến toàn trình trong việc tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả giải

quyết thủ tục hành chính bằng hình thức trực tuyến. Tiếp tục triển khai tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Thực hiện cập nhật dữ liệu thường xuyên Kho dữ liệu cho cá nhân, tổ chức trên hệ thống giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh giúp người dân, tổ chức thực hiện các dịch vụ công trực tuyến nhanh hơn, thông tin, dữ liệu dễ dàng được tham chiếu, kiểm chứng, người dân không phải cung cấp lại thông tin nhiều lần cho cơ quan nhà nước.

- Phối hợp đánh giá chỉ số chuyển đổi số của các sở, ban, ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

9. Phát triển Kinh tế số

- Duy trì tỷ lệ 100% các cơ sở giáo dục công lập thực hiện thanh toán học phí và các khoản thu dịch vụ không dùng tiền mặt (qua QR, ví điện tử).

- Thực hiện liên kết chặt chẽ các trường cao đẳng, trung tâm GDNN với doanh nghiệp để đào tạo nguồn nhân lực số có kỹ năng thực chiến đáp ứng nhu cầu thị trường (đào tạo lao động theo đặt hàng).

- Tích hợp các kiến thức về thương mại điện tử vào chương trình đào tạo tại các trung tâm GDNN-GDTX.

10. Phát triển Xã hội số

- Phong trào "Bình dân học vụ số": Tiếp tục phát huy vai trò học sinh, giáo viên làm nòng cốt hướng dẫn người dân kích hoạt VNeID, sử dụng sổ sức khỏe điện tử và dịch vụ công trực tuyến.

- Học tập suốt đời trên nền tảng số: Khuyến khích người dân học tập trên nền tảng trực tuyến đại trà (MOOCs) và triển khai các mô hình "Điểm học tập số" tại cộng đồng.

- Kỹ năng công dân số cho học sinh: Tích hợp giáo dục năng lực số, kỹ năng an toàn trên không gian mạng vào chương trình chính khóa và ngoại khóa cho học sinh phổ thông

III. GIẢI PHÁP

1. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, kỹ năng số

- Đa dạng hóa kênh truyền thông: Thực hiện thông tin tuyên truyền qua các chuyên trang, chuyên mục khoa học trên truyền hình, phát thanh và các giải pháp truyền thông hiện đại (mạng xã hội, video clip, infographic) để tạo sự đồng thuận của người dân và doanh nghiệp.

- Phong trào "Bình dân học vụ số": Triển khai sâu rộng chương trình giáo dục số thông qua mô hình "Chiến binh số" (huy động học sinh, giáo viên trẻ làm nòng cốt) để hướng dẫn người thân, hộ gia đình kỹ năng sử dụng tài khoản định danh điện tử VNeID và dịch vụ công trực tuyến.

- Hình thành văn hóa số: Đưa nội dung đào tạo kỹ năng số vào chương trình giảng dạy trong nhà trường và xây dựng các nền tảng đào tạo trực tuyến mở đại trà (MOOCs) cung cấp kiến thức miễn phí cho cộng đồng.

- Tăng cường tương tác: Xây dựng các kênh tương tác trực tuyến 2 chiều giữa cơ quan quản lý giáo dục với người dân, doanh nghiệp để kịp thời xử lý phản ánh, kiến nghị và quảng bá các sản phẩm giáo dục số.

2. Phát triển các mô hình kết hợp giữa cơ quan nhà nước và doanh nghiệp

- Ưu tiên thuê dịch vụ CNTT: Tập trung triển khai các ứng dụng, nền tảng số theo hình thức thuê dịch vụ trọn gói từ các tập đoàn công nghệ lớn (như Viettel, VNPT, Quảng Ích,…) thay vì tự đầu tư để đảm bảo tính cập nhật, ổn định và an toàn thông tin.

- Mô hình hợp tác "Nhà nước - Nhà trường - Doanh nghiệp": Triển khai Chương trình "Học từ làm việc thực tế", liên kết đào tạo theo đơn đặt hàng của doanh nghiệp, giúp người học tiếp cận công nghệ mới và đáp ứng nhu cầu thực tế của thị trường lao động.

- Hợp tác công tư (PPP) trong hạ tầng: Đẩy mạnh cơ chế hợp tác công tư để đầu tư phát triển hạ tầng số hiện đại, đặc biệt là hạ tầng mạng 5G và các trung tâm dữ liệu dùng chung tại các khu vực trọng điểm.

3. Nghiên cứu, hợp tác để làm chủ, ứng dụng hiệu quả các công nghệ

- Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) chuyên sâu: Thí điểm và triển khai AI hỗ trợ chấm bài, kiểm tra đánh giá và cá nhân hóa lộ trình học tập; vận hành các trợ lý ảo (Chatbot AI) để hỗ trợ tra cứu nghiệp vụ và điều hành tác nghiệp trong toàn ngành.

- Phát triển IoT và thực tế ảo: Trang bị và khai thác hiệu quả các phòng học thông minh, phòng Lab thí nghiệm ảo/mô phỏng 3D để tăng cường trải nghiệm học tập cho học sinh trong kỷ nguyên 4.0.

- Khai thác Dữ liệu lớn (Big Data): Sử dụng các công cụ phân tích dữ liệu lớn để dự báo quy mô học sinh, nhu cầu biên chế và hoạch định chiến lược phát triển giáo dục theo thời gian thực.

4. Thu hút nguồn lực công nghệ thông tin

- Đào tạo nhân lực chất lượng cao: Thực hiện Kế hoạch 119/KH-UBND hướng tới đào tạo 120 tiến sĩ trực tiếp giảng dạy tại các trường THPT và 807 thạc sĩ khối mầm non, phổ thông giai đoạn 2026-2030.

- Chính sách đãi ngộ đặc thù: Tham mưu ban hành các chính sách tuyển dụng, tiền lương và môi trường làm việc vượt trội để thu hút, giữ chân các chuyên gia, nhà khoa học giỏi về làm việc trong hệ thống chính trị và ngành giáo dục.

- Nâng cao năng lực lãnh đạo: Phấn đấu bố trí tỷ lệ cán bộ có chuyên môn, kinh nghiệm về khoa học kỹ thuật trong đội ngũ lãnh đạo các đơn vị đạt tối thiểu 25%.

- Huy động tài chính: Ưu tiên nguồn vốn ngân sách và huy động các nguồn lực xã hội hóa hợp pháp để đầu tư cho hạ tầng phòng học thông minh và kho học liệu số dùng chung.

5. Giải pháp tổ chức, triển khai

- Phát huy vai trò người đứng đầu: Quy định rõ trách nhiệm của lãnh đạo các cơ quan, đơn vị trong việc trực tiếp chỉ đạo và chịu trách nhiệm về kết quả CĐS tại đơn vị mình; đưa kết quả CĐS thành tiêu chí đánh giá thi đua, khen thưởng hàng năm.

- Vận hành bộ máy thực chất: Kiện toàn Ban Chỉ đạo và Tổ giúp việc CĐS các cấp theo hướng chuyên nghiệp, định kỳ kiểm tra, đôn đốc và tháo gỡ kịp thời các "điểm nghẽn" trong quá trình thực hiện.

- Đánh giá mức độ CĐS (DTI): Duy trì việc tự đánh giá và công bố xếp hạng chỉ số CĐS hàng năm của các cơ sở giáo dục để thúc đẩy phong trào đổi mới sáng tạo thực chất.

- Đồng bộ hóa thể chế: Rà soát, sửa đổi các quy trình nghiệp vụ cũ, chuyển từ xử lý trên giấy sang môi trường dữ liệu số hoàn toàn và đảm bảo an toàn an ninh mạng theo mô hình 4 lớp

IV. KINH PHÍ

Kinh phí thực hiện Kế hoạch từ nguồn ngân sách ngân sách địa phương theo phân cấp ngân sách hiện hành, nguồn thu sự nghiệp, nguồn huy động, đóng góp, tài trợ và các nguồn kinh phí hợp pháp khác (nếu có).

V. DANH MỤC NHIỆM VỤ

Các nhiệm vụ trọng tâm cụ thể theo Phụ lục kèm theo

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Văn phòng Sở

- Vai trò chủ trì: Là đơn vị đầu mối, phối hợp với các phòng thuộc Sở và đơn vị liên quan triển khai tổng thể các nhiệm vụ CĐS; chịu trách nhiệm tổng hợp và tham mưu báo cáo định kỳ.

- Nhiệm vụ trọng tâm: Chủ trì thực hiện triển khai hệ thống quản lý trường học (Mô hình 23) và vận hành hệ thống Quản lý văn bản và điều hành (QLVBĐH) thông qua chữ ký số.

- Xây dựng hạ tầng: Tham mưu giải pháp nền tảng truyền thông tương tác 1 cửa, xây dựng CSDL địa phương ngành giáo dục và quản lý trục tích hợp chia sẻ dữ liệu.

- Quản trị tài nguyên: Quản lý các phần mềm dùng chung như thư viện số, thiết bị dạy học và kho tài nguyên học liệu số.

- Chủ trì thực hiện các nhiệm vụ:

+ Triển khai hệ thống CSDL ngành và trục tích hợp chia sẻ dữ liệu địa phương ngành giáo dục, đảm bảo kết nối liên thông.

+ Triển khai hệ thống quản lý họp và điều hành tác nghiệp ngành giáo dục nhằm giảm thiểu giấy tờ, tiết kiệm thời gian.

2. Phòng Tổ chức cán bộ

- Phát triển nhân lực cao: Chủ trì xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo đội ngũ 120 tiến sĩ và 807 thạc sĩ chuyên môn công nghệ, kỹ thuật trình độ cao giai đoạn 2025-2030.

- Xây dựng học liệu: Chủ trì biên soạn và triển khai các tài liệu, bài giảng đa phương tiện (video, âm thanh, AI) cho chương trình phổ cập kỹ năng số. Biên soạn, triển khai các tài liệu, bài giảng cho từng chương trình phổ cập đa dạng về thể loại (văn bản, hình ảnh, âm thanh, video, bài trình chiếu), ngắn gọn, dễ hiểu, dễ thực hiện, triển khai cho cả người dạy và người học, phù hợp để đưa lên các nền tảng trực tuyến, đáp ứng số lượng lớn người tham gia (Theo Hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

- Bồi dưỡng kỹ năng: Tham mưu tổ chức tập huấn kỹ năng số cơ bản và kỹ năng quản trị dữ liệu cho đội ngũ cán bộ quản lý và công chức.

- Làm sạch dữ liệu: Chịu trách nhiệm cập nhật và làm sạch hồ sơ nhân sự toàn ngành trên hệ thống CSDL đảm bảo "đúng, đủ, sạch, sống".

- Chủ trì thực hiện nhiệm vụ: Tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn về CNTT, Chuyển đổi số cho giáo viên, cán bộ quản lý, học viên.

3. Phòng Kế hoạch tài chính

- Tham mưu lập dự toán và phương án phân bổ kinh phí có mục tiêu cho các dự án CĐS trọng tâm năm 2026.

- Rà soát nhu cầu đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học tối thiểu và thực hiện các báo cáo thống kê về ngân sách, tài sản công của ngành.

- Tham mưu ưu tiên nguồn lực trang bị thêm phòng học thông minh và các phòng thí nghiệm ảo tại vùng khó khăn.

- Phối hợp thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số trọng tâm năm 2026 của ngành GDĐT, cụ thể: Chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan triển khai thực hiện kinh phí chuyển đổi số đối với các nhiệm vụ trọng tâm năm 2026.

4. Phòng Giáo dục mầm non

- Tham mưu các nội dung chuyên môn để triển khai CĐS hiệu quả đối với bậc học mầm non.

- Phối hợp biên soạn học liệu số và đôn đốc các cụm chuyên môn thực hiện phong trào ứng dụng AI trong thiết kế bài giảng dành cho trẻ mầm non.

- Nghiên cứu thí điểm mô hình trường học thông minh, trường học số và phần mềm quản lý nuôi dưỡng trên nền tảng số.

- Phối hợp thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số trọng tâm năm 2026 của ngành GDĐT.

5. Phòng Giáo dục phổ thông

- Chủ trì thực hiện nhiệm vụ: Triển khai Học bạ số cấp tiểu học, THCS, THPT và GDTX. Đây là nhiệm vụ trọng tâm để chuẩn hóa dữ liệu học sinh.

- Xây dựng kế hoạch tập huấn và tích hợp giáo dục kỹ năng công dân số vào chương trình chính khóa theo Thông tư 02/2025/TT-BGDĐT.

- Tham gia biên soạn học liệu số đa phương tiện phù hợp với đặc thù cấp học phổ thông.

- Phối hợp thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số trọng tâm năm 2026 của ngành GDĐT.

6. Phòng Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên

- Chủ trì thực hiện Mô hình 21 về thi trực tuyến tập trung qua xác thực thẻ CCCD gắn chip cho khối GDNN-GDTX.

- Làm đầu mối triển khai phong trào "Bình dân học vụ số" và phối hợp bồi dưỡng kỹ năng an toàn thông tin mạng cho học sinh, người dân.

- Phổ cập kỹ năng số: Tổ chức cho 100% học sinh và giáo viên tham gia các khóa học về AI và pháp luật an toàn giao thông trên nền tảng số.

- Phối hợp thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số trọng tâm năm 2026 của ngành GDĐT.

7. Phòng Quản lý chất lượng

- Chủ trì.

- Tuyển sinh trực tuyến: Tham mưu xây dựng và vận hành hệ thống tuyển sinh đầu cấp trực tuyến 100% cho các cấp học.

- Kiểm định chất lượng: Chuyển đổi toàn bộ quy trình hồ sơ công việc về kiểm định chất lượng giáo dục sang môi trường điện tử.

- Chủ trì thực hiện các nhiệm vụ:

+ Thực hiện số hóa văn bằng, chứng chỉ giai đoạn 2021-2024 để tích hợp lên ứng dụng VneID; Tiếp tục số hóa dữ liệu và nâng cấp quản lý dữ liệu số hóa ngành giáo dục và đào tạo (tiếp tục thực hiện sau Quyết định 628)

+ Triển khai hệ thống tuyển sinh đầu cấp đối với giáo dục Mầm non, Tiểu học, THCS, đảm bảo công khai, minh bạch.

+ Triển khai phần mềm quản lý thi tuyển sinh vào lớp 10 và phần mềm thi trực tuyến.

8. Các đơn vị trực thuộc Sở

- Xây dựng kế hoạch CĐS riêng tại đơn vị, đảm bảo hạ tầng mạng Internet ổn định và 100% hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng.

- Tăng cường các ứng dụng quản trị nhà trường: Triển khai phần mềm quản lý nhà trường (Hệ thống thông tin quản lý giáo dục Hưng Yên, SMAS, vnEdu,…), cập nhật dữ liệu học sinh/giáo viên và thực hiện thanh toán học phí không dùng tiền mặt.

- Tăng cường, đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng: Chịu trách nhiệm bảo mật tài khoản, dữ liệu cá nhân và triển khai các giải pháp phòng chống mã độc tại đơn vị.

9. UBND các xã/phường

- Phối hợp trong việc quản lý, chỉ đạo điều hành cấp học cơ sở, trực tiếp công tác quản lý nhà nước về giáo dục đối với các trường mầm non, tiểu học và THCS trên địa bàn theo mô hình chính quyền 02 cấp.

- Phối hợp xây dựng, quản lý dữ liệu ngành, cử cán bộ làm đầu mối tiếp nhận bàn giao tài khoản, thực hiện phân quyền cho các cơ sở giáo dục trực thuộc và quản trị dữ liệu trên các hệ thống thông tin cấp xã.

- Hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ tại địa phương: Bố trí nguồn lực, kinh phí để nâng cấp hạ tầng CNTT cho các trường thuộc phạm vi quản lý và thúc đẩy phong trào học tập số tại cộng đồng.

Thủ trưởng các đơn vị quán triệt thực hiện Kế hoạch; báo cáo kết quả thực hiện (qua Văn phòng Sở tổng hợp trước ngày **10/11/2026**) để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc phát sinh kịp thời báo cáo Sở GDĐT (qua Văn phòng) để phối hợp xử lý./.

Nơi nhận:
- Sở KHCN;
- UBND các xã/phường;
- Lãnh đạo Sở;
- Các đơn vị trực thuộc Sở;
- Các đơn vị thuộc Sở:
- Lưu VT, VP.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH HƯNG YÊN

Đỗ Minh Trí

DANH MỤC
CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CHUYỂN ĐỔI SỐ NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM 2026 [1]

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-SGDĐT ngày /01/2026 của Sở GDĐT)

TT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì triển khai	Đơn vị phối hợp
1	Triển khai hệ thống CSDL ngành và trục tích hợp chia sẻ dữ liệu địa phương ngành giáo dục, đảm bảo kết nối liên thông.	Văn phòng	Các đơn vị thuộc Sở, trực thuộc Sở, UBND các xã/phường
2	Tiếp tục số hóa dữ liệu và nâng cấp quản lý dữ liệu số hóa ngành giáo dục và đào tạo (tiếp tục thực hiện sau Quyết định 628	Phòng QLCL	Các đơn vị thuộc Sở, trực thuộc Sở.
3	Triển khai hệ thống quản lý họp và điều hành tác nghiệp ngành giáo dục nhằm giảm thiểu giấy tờ, tiết kiệm thời gian.	Văn phòng	Các đơn vị thuộc Sở, trực thuộc Sở, UBND các xã/phường
4	Triển khai Học bạ số cấp tiểu học, THCS, THPT và GDTX. Đây là nhiệm vụ trọng tâm để chuẩn hóa dữ liệu học sinh.	Phòng GDPT	Các đơn vị thuộc Sở, trực thuộc Sở, UBND các xã/phường
5	Triển khai hệ thống tuyển sinh đầu cấp đối với giáo dục Mầm non, Tiểu học, THCS, đảm bảo công khai, minh bạch.	Phòng QLCL	Các đơn vị thuộc Sở, trực thuộc Sở, UBND các xã/phường
6	Triển khai phần mềm quản lý thi tuyển sinh vào lớp 10 và phần mềm thi trực tuyến.	Phòng QLCL	Các đơn vị thuộc Sở, trực thuộc Sở, UBND các xã/phường
7	Triển khai phần mềm kiểm định chất lượng giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên.	Phòng QLCL	Các đơn vị thuộc Sở, trực thuộc Sở, UBND các xã/phường
8	Trang bị phần mềm thư viện điện tử liên thông từ mầm non đến THPT, thúc đẩy văn hóa đọc số.	Phòng GDPT	Các đơn vị thuộc Sở, trực thuộc Sở, UBND các xã/phường
9	Tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn về CNTT, Chuyển đổi số cho giáo viên, cán bộ quản lý, học viên.	Phòng TCCB	Các đơn vị thuộc Sở, trực thuộc Sở, UBND các xã/phường

[1] Các nhiệm vụ trọng tâm căn cứ theo Phụ lục 3 của Kế hoạch 155/KH-UBND gày 30/12/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên về Thực hiện chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên năm 2026